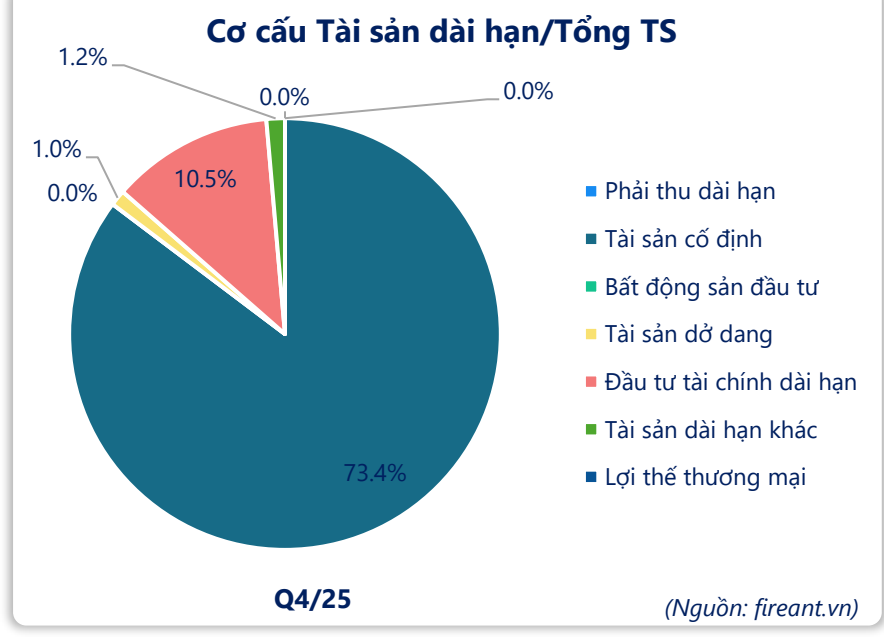
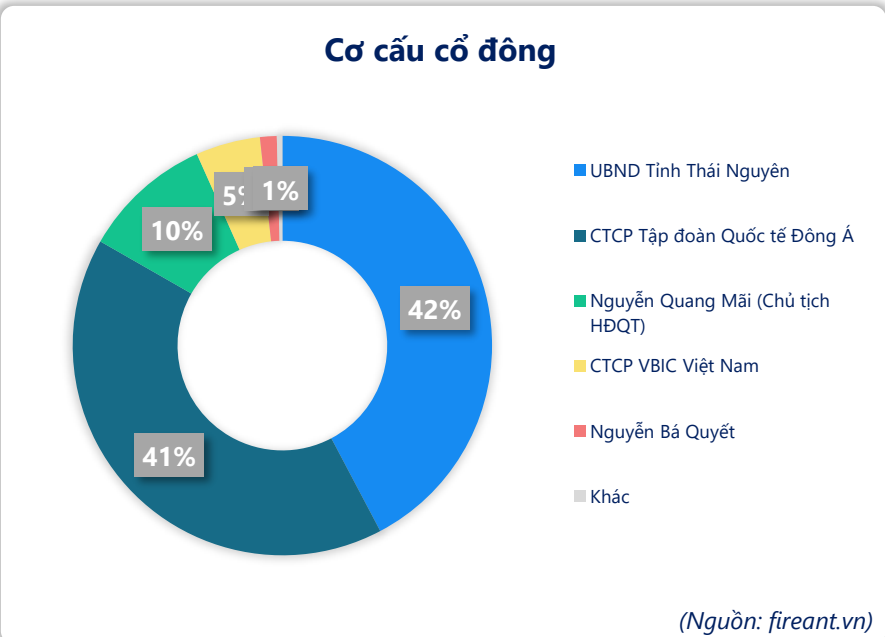
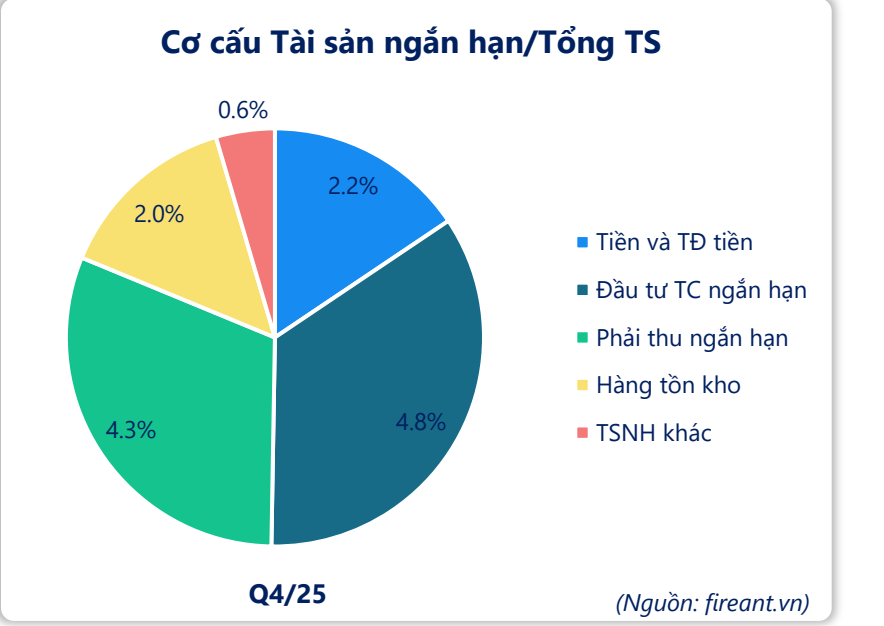
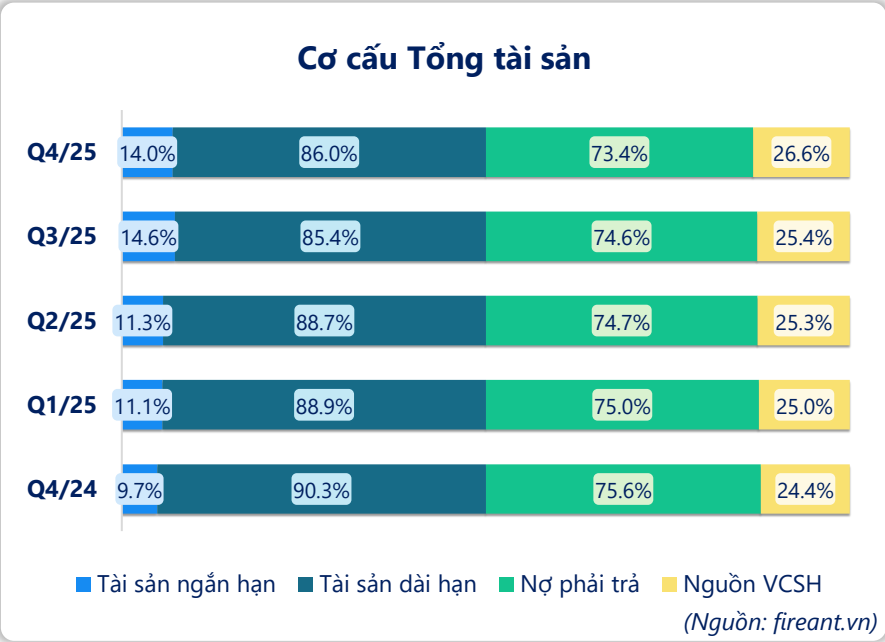
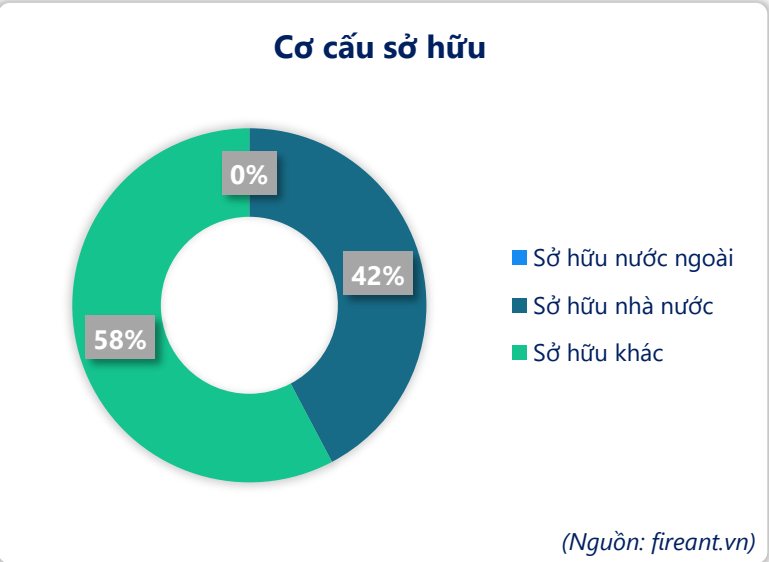
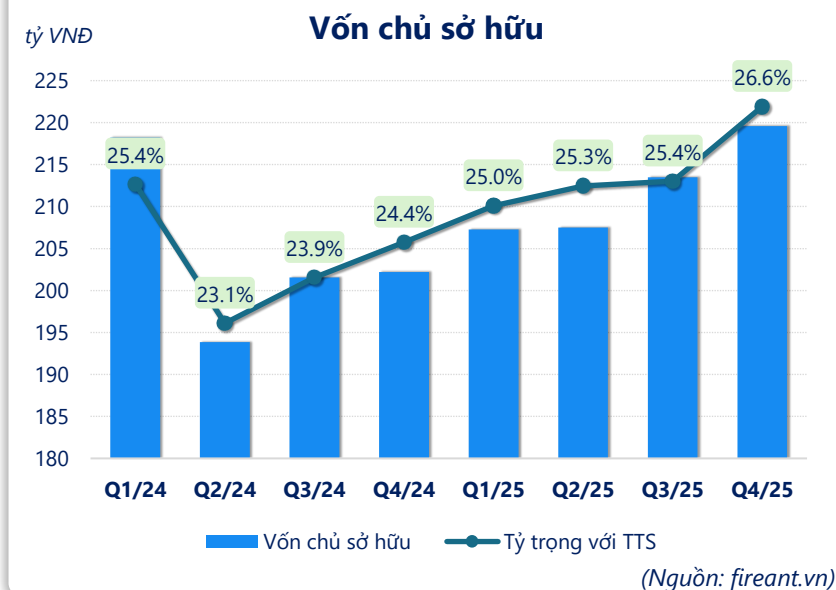
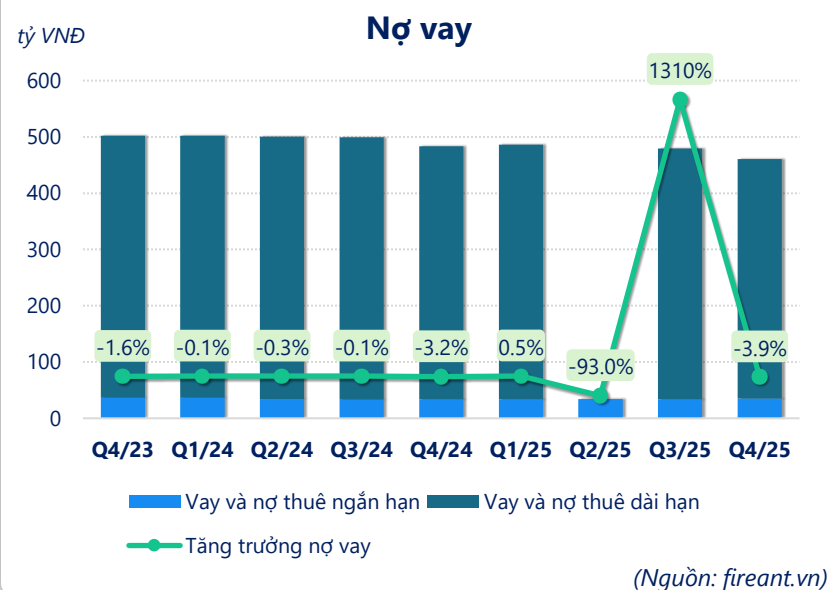
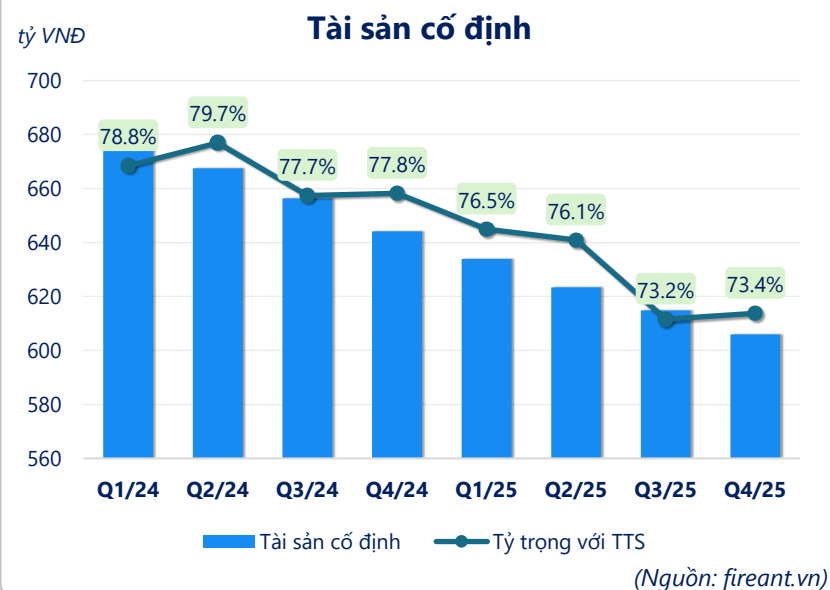
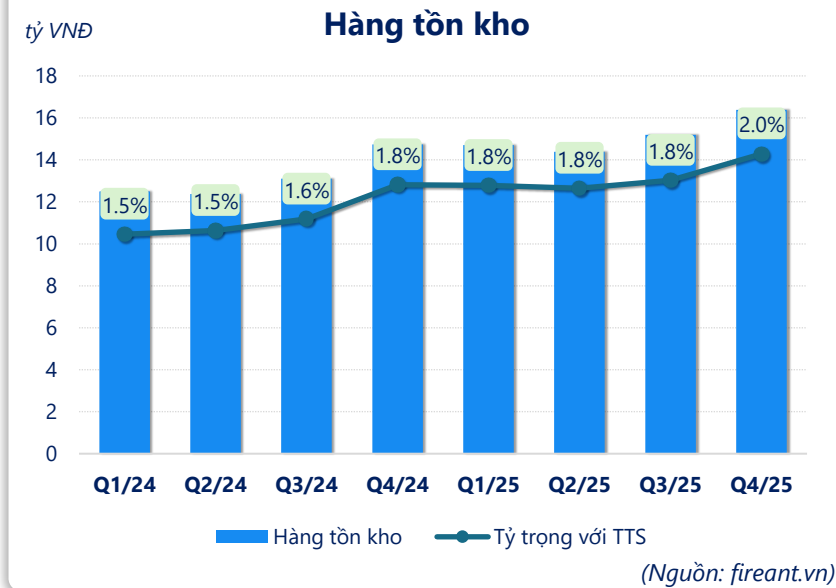
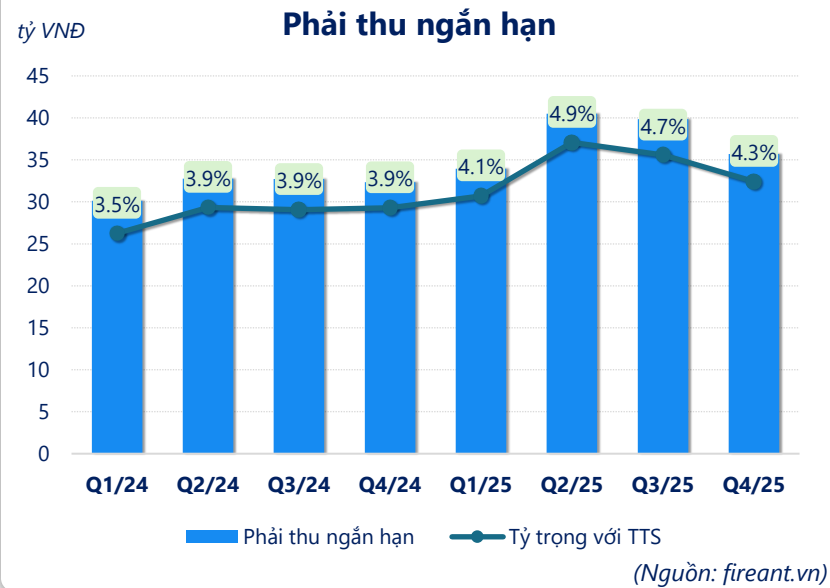
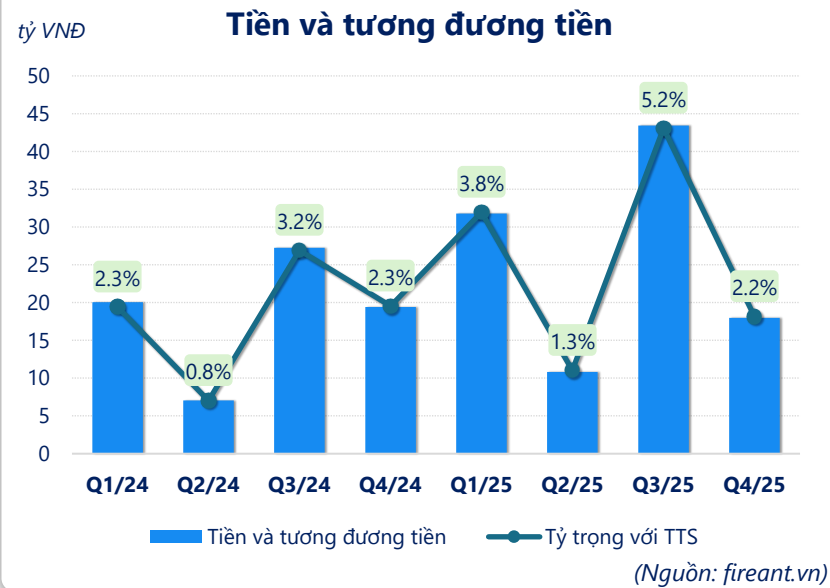
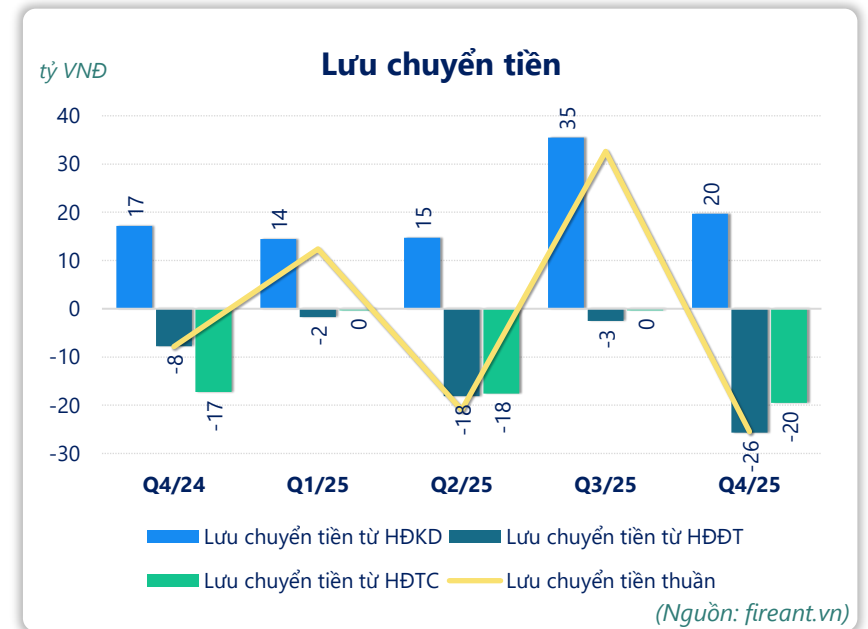
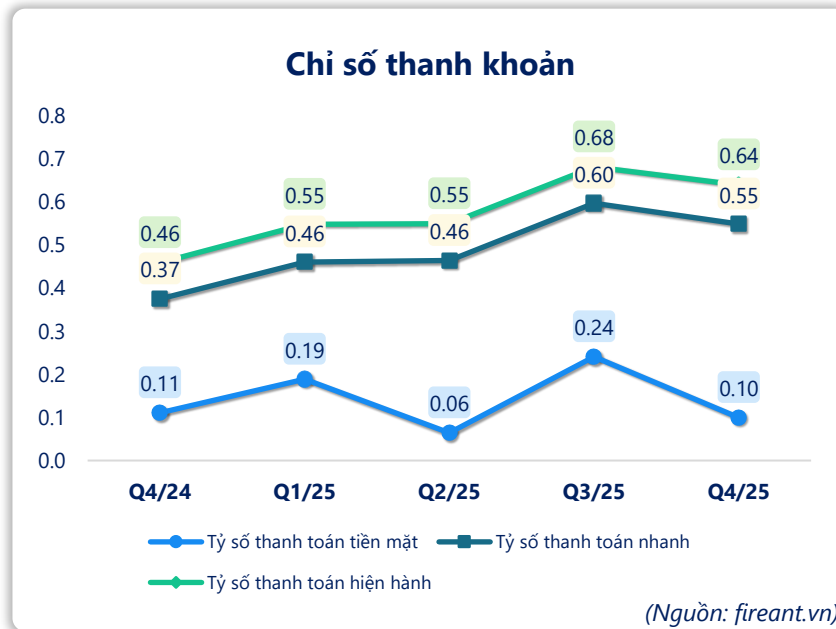
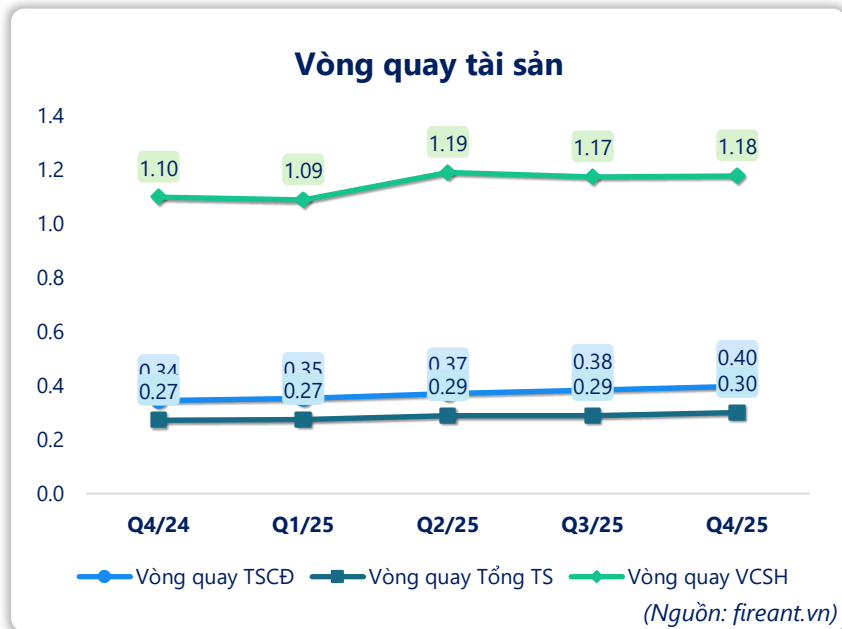
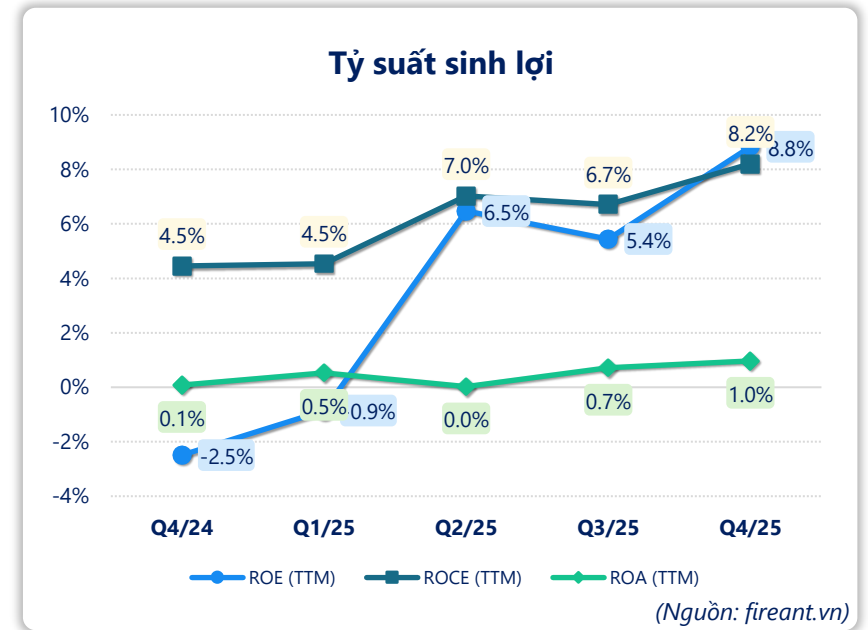
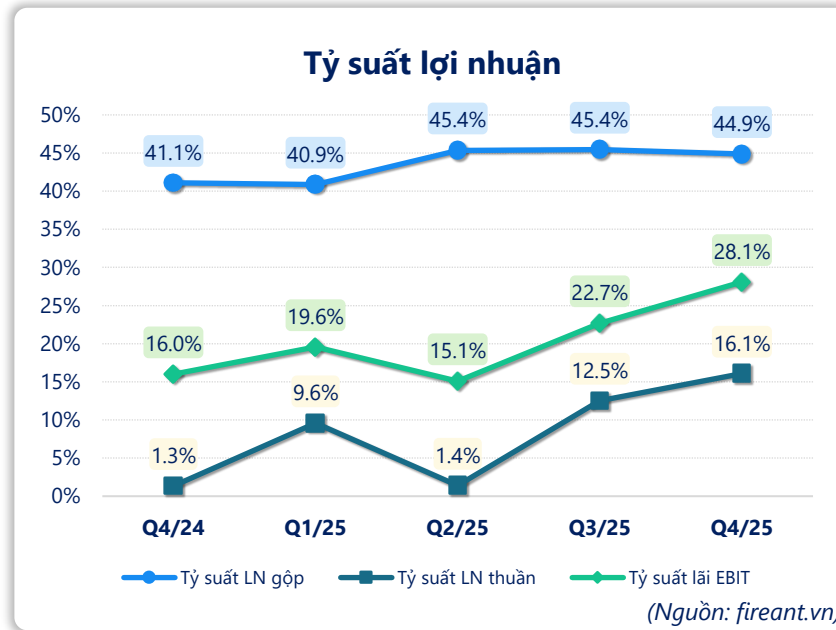
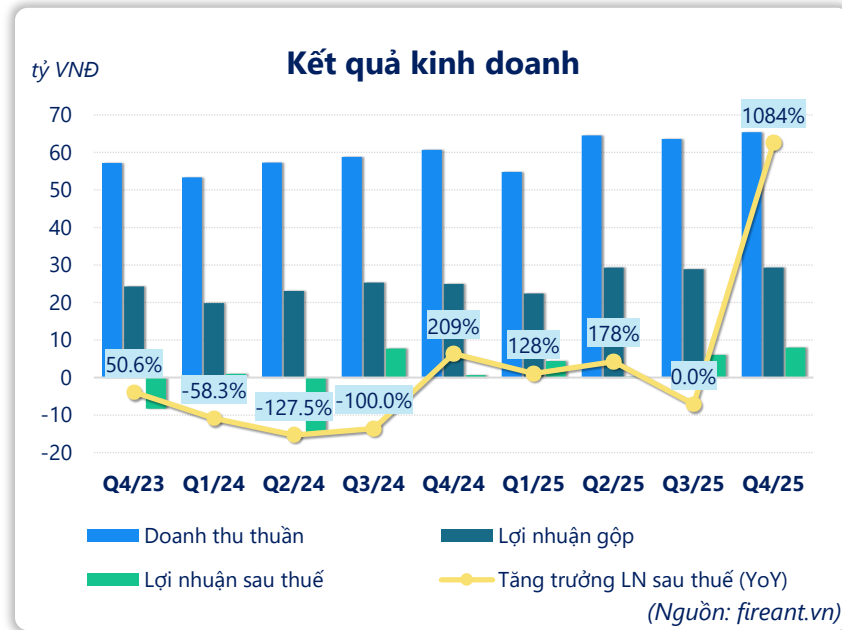


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,018
SL cổ phiếu LH		16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35,960
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		200
P/E		10.7
EPS		1,164

	YTD	1T	3T	6T
TNW	14.6%	0.8%	8.6%	14.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	826	828	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	115	81.1	42.2%
Tiền và tương đương tiền	18.0	19.4	-7.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.7	33.0	8.2%
Hàng tồn kho	16.4	14.7	11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.26	14.0	-62.3%
Tài sản dài hạn	710	747	-4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	606	644	-5.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.39	8.39	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	86.4	85.9	0.5%
Tài sản dài hạn khác	9.83	8.84	11.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	606	625	-3.1%
Nợ ngắn hạn	180	175	2.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.3	34.0	4.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.5	83.8	-6.3%
Nợ dài hạn	426	450	-5.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	425	450	-5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	220	203	8.2%
Vốn chủ sở hữu	220	203	8.2%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	60.7	54.8	64.6	63.6	65.4
Giá vốn hàng bán	35.7	32.4	35.3	34.7	36.0
Lợi nhuận gộp	24.9	22.4	29.3	28.9	29.3
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.16	0.01	1.84
Chi phí TC	10.1	7.54	17.3	9.69	7.86
Chi phí lãi vay	8.82	4.82	9.03	6.46	7.86
LN trong công ty LKLD	0.03	0.12	0.11	0.01	0.18
Chi phí bán hàng	6.22	4.88	5.01	5.54	5.48
Chi phí QLDN	7.86	4.85	6.36	5.70	7.51
LN thuần từ HĐKD	0.82	5.25	0.90	7.97	10.5
Lợi nhuận khác	0.07	0.65	-0.19	0.00	0.00
LN trước thuế	0.88	5.90	0.71	7.97	10.5
Lợi nhuận sau thuế	0.67	4.42	0.21	6.00	8.00
LNST của CĐ cty mẹ	0.67	4.42	0.21	6.00	8.00

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.2	14.5	14.7	35.5	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.77	-1.74	-18.1	-2.51	-25.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.3	-0.35	-17.6	-0.35	-19.5
Tiền đầu kỳ	27.3	19.4	31.8	10.8	43.4
Lưu chuyển tiền thuần	-7.87	12.4	-20.9	32.6	-25.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.4	31.8	10.8	43.4	18.0

(Nguồn: fireant.vn)